

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/01/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết G, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt .

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt ngày 03/4/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/01/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Tuyết G trình bày: Năm 2012, chị G và anh T tự tìm hiểu yêu thương và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 18 ngày 22/02/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác do khó khăn về kinh tế nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 8/2018 chị G đã làm đơn ra tòa xin

ly hôn với anh T một lần, nhưng vì con và Tòa án động viên nên chị đã rút đơn kiện. Tình cảm của chị G đối với anh T không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G và anh T có 01 con chung tên Lê Khánh H, sinh ngày 06/01/2013 đang sống với chị G. Chị G yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thanh T khai: Năm 2012, anh với chị G tự tìm hiểu yêu thương và đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 18 ngày 22/02/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Anh với chị G đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Chị G xin ly hôn với anh, anh T đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh với chị Giang có 01 con chung tên Lê Khánh H, sinh ngày 06/01/2013, đang sống với chị G. Chị G yêu cầu được nuôi dạy con chung, anh T đồng ý giao con cho chị G nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh T có đơn xin vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bản tự khai và đơn xin vắng mặt của anh T.

Tại phiên tòa, chị G giữ nguyên yêu cầu, anh T vắng mặt,

Chị G xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh T không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Tuyết G khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Lê Thanh T, địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Thanh T, có đơn xin vắng mặt ngày 03/4/2019. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết G và anh Lê Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 22/01/2013. Xét, hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp.

Chị G khai, quá trình chung sống chị và anh T do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác do khó khăn về kinh tế nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 8/2018 chị G đã làm đơn ra tòa xin ly hôn với anh T một lần, nhưng vì con và Tòa án động viên nên chị đã rút đơn kiện. Nay chị G xin được ly hôn với anh T.

Anh T cũng thừa nhận. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị G.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Nay giữa chị G với anh T đều thừa nhận tình cảm giữa hai người không còn, chị G với anh T thống nhất ly hôn nhau

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị G với anh T.

[2] Về con chung: Chị G với anh T thừa nhận có 01 con chung tên Lê Khánh H, sinh ngày 06/01/2013 đang sống cùng với chị G, nay anh T đồng ý giao con cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị G yêu cầu được nuôi dạy cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Cháu H còn nhỏ hơn 06 tuổi, nếu sống cùng với chị G sẽ đảm bảo điều kiện về mọi mặt của cháu.

Xét, công nhận sự tự thỏa thuận của chị G với anh T, giao cháu H cho chị G nuôi dạy cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Chị G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Do đó anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G với anh T thừa nhận không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Xét, không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Lê Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

(Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết G.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết G với anh Lê Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 18 ngày 22/02/2013 do UBND xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị G với anh T không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Tuyết G với anh Lê Thanh T giao cháu Lê Khánh H, sinh ngày 06/01/2013 cho chị Nguyễn Thị Tuyết G nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Tuyết G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thanh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0001622 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Anh Lê Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Tuyết G có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Lê Thanh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Vĩnh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh